

CÔNG TY CỔ PHẦN DV TM ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẠI ĐỒNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DV TM ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẠI ĐỒNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3502333671

3. Ngày thành lập: 25/04/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

31 khu 2, Nguyễn Cư Trinh, ấp Ngọc Hà, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0918245037

Fax:

Email: congtycophandaidong@gmail.com Website: om

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
2.	Dịch vụ đóng gói	8292
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại	4610
4.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn đầu tư	7020
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho bãi, mặt bằng	5210
6.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế công trình thủy lợi (đập, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); Thiết kế công trình giao thông (đường bộ, cầu nhỏ); Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế cơ điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi; Giám sát lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật ;	7110

7.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Tư vấn đầu tư, lập, thẩm tra các dự án đầu tư; Tư vấn về đấu thầu; Khảo sát thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình; kiểm định chất lượng công trình xây dựng; xác định, đánh giá nguyên nhân sự cố công trình; Quản lý dự án; Thẩm tra, thiết kế tổng dự toán; kiểm tra và đánh giá sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; khảo sát địa chất công trình; khảo sát địa hình phục vụ công tác lập dự án đầu tư xây dựng và công tác thiết kế các công trình xây dựng; Quan trắc lún, nghiêng công trình; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; thẩm tra hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu; Tư vấn lập dự án, lập tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị;	7120
8.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
9.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
10.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi có giấy phép của sở Tài nguyên và môi trường tỉnh và phải đảm bảo các điều kiện về vệ sinh môi trường và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật);,	0899
11.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
12.	Trồng cây ăn quả	0121
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác: nhôm, đồng, kẽm,...	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Mua bán vật tư ngành nước.	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và dây dếp; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. (Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh ngành nghề này khi đã có đủ điều kiện theo quy định của Luật bảo vệ môi trường)	4669
17.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722

18.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng.	4752
19.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
20.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
21.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.	5229
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.	5510
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
26.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, công nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị cơ khí; Cho thuê container	7730
27.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ: xe tải, xe nâng, xe xúc, xe đào, xe cầu, xe ô tô du lịch các loại.	7710
28.	Đại lý du lịch	7911
29.	Điều hành tua du lịch	7912
30.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
31.	Trồng cây cao su	0125
32.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
33.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
34.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
35.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
36.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
37.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
38.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
39.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
40.	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng	0221
41.	Khai thác thủy sản biển	0311

42.	Khai thác thủy sản nội địa Chi tiết: Khai thác thủy sản nước lợ; Khai thác thủy sản nước ngọt	0312
43.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
44.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nước lợ; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	0322
45.	Sản xuất giống thủy sản	0323
46.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
47.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
48.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả; Chế biến và bảo quản rau quả khác.	1030
49.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
50.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất đồ uống không cồn.	1104
51.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
52.	Sản xuất giày dép	1520
53.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư, chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan)	1610
54.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
55.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
56.	In ấn	1811
57.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
58.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
59.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư, chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan)	2591
60.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công, sửa chữa cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
61.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
62.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
63.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
64.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
65.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
66.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822

67.	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại; tái chế phế liệu phi kim loại.	3830
68.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
69.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
70.	Xây dựng nhà các loại	4100
71.	Phá dỡ	4311
72.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
73.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
74.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
75.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình	4330
76.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
77.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.	4530
78.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn	4633
79.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt may khác.	4641
80.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
81.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
82.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
83.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
84.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng và vật tư các loại phục vụ các ngành công nghiệp, dịch vụ, dầu khí, hàng hải, đóng tàu...	4659(Chính)
85.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán các sản phẩm xăng, dầu, khí hoá lỏng (LPG) và các loại khí công nghiệp: NITƠ, ÔXY, HYDRO, ARGON, CO2	4661

86.	Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
-----	--	--

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	MAI VĂN TUYÊN	ấp Lam Sơn , Xã Phước Hoà, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200.000	12.000.000.000	60,000	B4029966	
			Tổng số	1.200.000	12.000.000.000	60,000		
2	LÊ THÚY OANH	ấp 1B, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	271409538	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		
3	TRẦN MINH TUẤN	Khu phố Hòa Hội, Thị trấn Đất Đỏ, Huyện Đất đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	273395706	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: MAI VĂN TUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/12/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B4029966

Ngày cấp: 06/04/2010

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Lam Sơn, Xã Phước Hoà, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: ấp Lam Sơn, Xã Phước Hoà, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu